

**CÔNG TY CỔ PHẦN FLAST SOLUTION**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN FLAST SOLUTION

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: FLAST SOLUTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: FLAST SOLUTION .,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110888451

**3. Ngày thành lập:** 13/11/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 4, Toà nhà Times Towers (sàn văn phòng), Số 35 Đường Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0987938491

Fax:

Email: long.huu.100@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                              | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                    | 4651(Chính) |
| 2.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                     | 4652        |
| 3.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                        | 4659        |
| 4.  | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh | 4741        |
| 5.  | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                              | 4742        |
| 6.  | Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ                                     | 4783        |
| 7.  | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ                                                    | 4784        |
| 8.  | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ đấu giá)                                  | 4791        |
| 9.  | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ đấu giá)                                             | 4799        |
| 10. | Xuất bản phần mềm (loại trừ xuất bản phẩm)                                                             | 5820        |
| 11. | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết:<br>Dịch vụ Internet                                             | 6190        |
| 12. | Lập trình máy vi tính                                                                                  | 6201        |
| 13. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                    | 6202        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 14. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết: Dịch vụ công nghệ thông tin:<br>- Điều tra, khảo sát, nghiên cứu thị trường về công nghệ thông tin;<br>- Tư vấn, phân tích, lập kế hoạch, phân loại, thiết kế trong lĩnh vực công nghệ thông tin;<br>- Tích hợp hệ thống chạy thử, dịch vụ quản lý ứng dụng, cập nhật, bảo mật trong lĩnh vực công nghệ thông tin;<br>- Thiết kế lưu trữ duy trì trang thông tin điện tử;<br>- Bảo hành, bảo trì, bảo đảm an toàn mạng và thông tin;<br>- Cập nhật tìm kiếm lưu trữ xử lý dữ liệu và khai thác cơ sở dữ liệu;<br>- Phân phối sản phẩm công nghệ thông tin.<br>- Chứng thực chữ ký điện tử.<br>- Đào tạo công nghệ thông tin; | 6209 |
| 15. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Trừ hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 6311 |
| 16. | Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 6312 |
| 17. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 6399 |
| 18. | Quảng cáo (Trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 7310 |
| 19. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Không bao gồm hoạt động điều tra và hoạt động nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7320 |
| 20. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7410 |
| 21. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 9511 |
| 22. | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 9512 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 200.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông                 | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức          | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|-----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGUYỄN<br>NGỌC NHẬT<br>MINH | 76/14 Chùa<br>Thông, Phường<br>Sơn Lộc, Thị Xã<br>Sơn Tây, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 20.000        | 200.000.000              | 10,000       | 0010970291<br>98                                                                                                       |            |
|     |                             |                                                                                             | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                             |                                                                                             | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                             |                                                                                             | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                             |                                                                                             | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                             |                                                                                             | Tổng số                            | 20.000        | 200.000.000              | 10,000       |                                                                                                                        |            |
| 2   | VŨ THÀNH<br>TRUNG           | Thôn Kim, Xã Vũ<br>Lạc, Thành phố<br>Thái Bình, Tỉnh<br>Thái Bình, Việt<br>Nam              | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 30.000        | 300.000.000              | 15,000       | 0340990035<br>13                                                                                                       |            |
|     |                             |                                                                                             | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                             |                                                                                             | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                             |                                                                                             | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                             |                                                                                             | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                             |                                                                                             | Tổng số                            | 30.000        | 300.000.000              | 15,000       |                                                                                                                        |            |

|   |                |                                                                                                 |                           |         |               |        |              |
|---|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|
| 3 | NGUYỄN VĂN HỮU | P0212, Ecohome2, Đường Tân Xuân, Phường Đông Ngạc, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 140.000 | 1.400.000.000 | 70,000 | 035089001180 |
|   |                |                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                                 | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                                 | Tổng số                   | 140.000 | 1.400.000.000 | 70,000 |              |
|   |                |                                                                                                 |                           |         |               |        |              |
| 4 | VŨ QUANG ĐỨC   | Thôn Trạng, Xã Yên Phúc, Huyện Ý Yên, Tỉnh Nam Định, Việt Nam                                   | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  | 036096017888 |
|   |                |                                                                                                 | Cổ phần phổ thông         | 10.000  | 100.000.000   | 5,000  |              |
|   |                |                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                                 | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                                 | Tổng số                   | 10.000  | 100.000.000   | 5,000  |              |
|   |                |                                                                                                 |                           |         |               |        |              |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                          |           |                                                                                                               |         |
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                          |           |                                                                                                               |         |
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                          |           |                                                                                                               |         |
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                          |           |                                                                                                               |         |
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                          |           |                                                                                                               |         |
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                          |           |                                                                                                               |         |
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                          |           |                                                                                                               |         |
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                          |           |                                                                                                               |         |
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                          |           |                                                                                                               |         |
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                          |           |                                                                                                               |         |

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN HỮU

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 07/11/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 035089001180

Ngày cấp: 21/10/2022

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tổ Dân phố Đôn Lương, Phường Yên Bắc, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: P0212, Ecohome2, Đường Tân Xuân, Phường Đông Ngạc, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội